

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-6-2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Đình Phúc

2. Bà Đoàn Thị Chuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên

Ngày 25/6/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09/10/2020 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2021, Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 05/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2021 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 03/2021/TB-TA ngày 15/6/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lò Thị L**, sinh năm 1994; nơi ĐKTT: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương; địa chỉ tạm trú: Thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Văn L**, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, chị Lò Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Đặng Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái ngày 29/8/2012 và được gia đình tổ chức lễ cưới. Sau ngày cưới, anh chị chung sống tại gia đình anh L một thời gian ngắn rồi vào miền Nam làm công nhân. Sau đó anh chị mâu thuẫn do không hợp nhau, anh L cho rằng chị là người không biết làm ăn gì dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do không chịu đựng được, chị L về nhà mẹ đẻ ở thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. Sau một năm, anh L về ở cùng chị một tháng rồi về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương sinh sống, không tìm chị lần nào nữa. Mặc dù được hai gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 8/2013 đến nay, anh chị ly thân, không quan tâm gặp gỡ nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, không thể hàn gắn được để duy trì hôn nhân, chị khởi kiện xin ly hôn anh Đặng Văn L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định, nhưng anh Đặng Văn L không đến làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tại bản khai ngày 25/6/2021 anh L xác định đều đã được gia đình thông báo hoặc nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Đối với việc chị L xin ly hôn, anh đồng ý vì không còn tình cảm vợ chồng. Về con chung: Anh chị không có con chung. Về tài sản, nợ chung, công sức: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương và bản khai của người làm chứng thể hiện: Mâu thuẫn giữa chị L và anh L là có và anh chị sống ly thân từ tháng 8/2013 đến nay. Từ khi ly thân với chị L, anh L đi làm kinh tế, thi thoảng mới về gia đình ở Thôn Đ, xã L, huyện T. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị L được ly hôn anh Đặng Văn L; về con chung: Không có; về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết; về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lò Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đặng Văn L, địa chỉ cư trú là Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương; quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị L nộp đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định. Chị L, anh L đều đề nghị xét xử vắng mặt, không nhờ người đại diện hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lò Thị L và anh Đặng Văn L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái vào ngày 29/8/2012 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hòa hợp trong sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Do không giải quyết được mâu thuẫn, từ tháng 8/2013 anh chị ly thân, không quan tâm gặp gỡ nhau. Đến nay, chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng, không có biện pháp để duy trì quan hệ hôn nhân với anh L. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh L đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và có căn cứ để xử cho chị Lò Thị L ly hôn anh Đặng Văn L.

[3] Về con chung: Chị L và anh L không có con chung.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lò Thị L ly hôn anh Đặng Văn L.

2. Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003243 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã N, thị xã N,
tỉnh Yên Bái (để ghi vào sổ Hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính